

Everest Platinum Mới



Ngoại thất sang trọng và tinh tế

Thiết kế lưới tản nhiệt mới thêm nổi bật với những chi tiết mạ chrome cao cấp, cho một ngoại thất sang trọng và tinh tế. Nắp ca-pô với đường dập nổi độc đáo cùng hàng chữ "Platinum" 3D khẳng định vị thế



Vành hợp kim 20 inch

Vành xe hợp kim 20 inch, 12 chấu với 3 lớp sơn càng làm tôn thêm dáng vẻ bề thế và sang trọng của chiếc xe ở mọi góc nhìn.



Hệ thống loa high-end

Hệ thống loa B&O cho trải nghiệm âm thanh tuyệt vời với chất âm trung thực và sống động.



Bảng điều khiển hiện đại

Bảng điều khiển trung tâm thiết kế trải dài sang hai bên cho cảm giác khoang xe được mở rộng hơn. Phiên bản Platinum được trang bị màn hình đồng hồ kỹ thuật số 12,4 inch và màn hình giải trí LCD cảm ứng 12 inch. Hệ thống hắt sáng trong xe làm tăng thêm sự sang trọng cũng như tạo nên một không gian tiện nghi và thư giãn.



Nội thất đẳng cấp

Hàng ghế ngồi phía trước được trang bị sưởi điện và thông gió, điều chỉnh điện 10 hướng, nhớ vị trí chỉnh ghế. Nội thất sử dụng chất liệu da cao cấp, lòng ghế thiết kế trần trâm cùng với logo Platinum thương hiệu tạo nên sự sang trọng cho chiếc xe. Cửa sổ trời toàn cảnh như mang cả thế giới bên ngoài vào trong xe.



Hệ thống chiếu sáng đa vùng

Hệ thống đèn chiếu sáng trên Everest có thể bật/tắt toàn vùng hay độc lập từng vùng cho phép người lái xe linh hoạt điều chỉnh đèn chiếu sáng theo nhu cầu và điều kiện cụ thể.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS	
	Platinum 2.0L AT 4x4
Động cơ & Tính năng Vận hành / Power and Performance	
Động cơ / Engine Type	Bi-Turbo Diesel 2.0L i4 TDCi Trục cam kép, có làm mát khí nạp / DOHC, with Intercooler
Dung tích xi lanh / Displacement (cc)	1996
Công suất cực đại (PS/vòng/phút) / Max Power (Ps/rpm)	209.8 (154.3 kW) / 3750
Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút) / Max Torque (Nm/rpm)	500 / 1750-2000
Hệ thống truyền động / Drivetrain	Hai cầu chủ động / 4x4
Hệ thống kiểm soát đường địa hình / Terrain Management System	Có / With
Hộp số / Transmission	Số tự động 10 cấp điện tử / 10 speeds AT E-Shifter
Trợ lực lái / Assisted Steering	Trợ lực lái điện / EPAS
Kích thước / Dimension	
Dài x Rộng x Cao / Length x Width x Height (mm)	4914 x 1923 x 1841
Khoảng sáng gầm xe / Ground Clearance (mm)	200
Chiều dài cơ sở / Wheelbase (mm)	2900
Dung tích thùng nhiên liệu / Fuel Tank Capacity (L)	80
Mức tiêu thụ nhiên liệu / Fuel Consumption	
Chu trình tổ hợp / Combined Cycle (L/100KM)	8,0
Chu trình đô thị cơ bản / Urban Cycle (L/100KM)	9,6
Chu trình đô thị phụ / Rural Cycle (L/100KM)	7,1
Hệ thống treo / Suspension system	
Hệ thống treo trước / Front Suspension	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, và thanh cân bằng / Independent with coil spring and anti-roll bar
Hệ thống treo sau / Rear Suspension	Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts linkage / Rear Suspension with Coil Spring and Watt's link
Hệ thống phanh / Brake system	
Phanh trước và sau / Front and Rear Brake	Phanh Đĩa / Disc Brake
Phanh tay điện tử / Electronic Parking Brake	Có / With
Cỡ lốp / Tire Size	255 / 55R20
Bánh xe / Wheel	Vành hợp kim nhôm 20" / Alloy 20"
Trang thiết bị an toàn / Safety features	
Túi khí phía trước / Driver & Passenger Airbags	Có / With
Túi khí bên / Side Airbags	Có / With
Túi khí rèm dọc hai bên trần xe / Curtain Airbags	Có / With
Túi khí bảo vệ đầu gối người lái / Knee Airbags	Có / With
Camera	Camera 360
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe / Parking Aid Sensor	Cảm biến trước và sau / Front & Rear Sensor
Hệ thống Chống bó cứng phanh & Phân phối lực phanh điện tử / ABS & EBD	Có / With
Hệ thống Cân bằng điện tử / Electronic Stability Program (ESP)	Có / With
Hệ thống Hỗ trợ khởi hành ngang dốc / Hill Launch Assist	Có / With
Hệ thống Kiểm soát đổ đèo / Hill Descent Assist	Có / With
Hệ thống Kiểm soát tốc độ / Cruise Control	Tự động / Adaptive Cruise Control
Hệ thống cảnh báo điểm mù kết hợp cảnh báo có xe cắt ngang / BLIS with Cross Traffic Alert	Có / With
Hệ thống Cảnh báo lệch làn và hỗ trợ duy trì làn đường / LKA and LDW	Có / With
Hệ thống Cảnh báo va chạm và Hỗ trợ phanh khẩn cấp khi gặp chướng ngại vật phía trước / FCW and AEB	Có / With
Hệ thống Kiểm soát áp suất lốp / TPMS	Có / With
Hệ thống Chống trộm / Anti theft System	Có / With
Trang thiết bị ngoại thất / Exterior	
Đèn phía trước / Headlamp	LED Matrix, tự động bật đèn, tự động bật đèn chiếu góc / Matrix LED, Auto Headlamp, Auto Corner Headlamp
Đèn pha chống chói tự động / Auto High Beam System	Có / With
Gạt mưa tự động / Auto Rain Sensor	Có / With
Đèn sương mù / Front Fog Lamp	Có / With
Gương chiếu hậu điều chỉnh điện / Power Adjust Mirror	Gập điện / Power Fold Mirror
Cửa sổ trời toàn cảnh Panorama / Power Panorama Sunroof	Có / With
Cửa hậu đóng/mở điện / Power Liftgate	Có / With
Trang thiết bị bên trong xe / Interior	
Khởi động bằng nút bấm / Power Push Start	Có / With
Chìa khóa thông minh / Smart Keyless Entry	Có / With
Điều hoà nhiệt độ / Air Conditioning	Tự động 2 vùng khí hậu / Dual Electronic ATC
Vật liệu ghế / Seat Material	Da cao cấp có thông gió, sưởi ghế / Premium Leather with Ventilated & Heated Seat
Tay lái bọc da / Leather Steering Wheel	Có / With
Điều chỉnh hàng ghế trước / Front Seat Row Adjust	Ghế lái và ghế khách chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái / Driver & Passenger 10 Way Power with Memory Driver Seat
Hàng ghế thứ ba gập điện / Power 3rd Row Seat	Có/ With
Gương chiếu hậu trong / Interior Rear View Mirror	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày / đêm / Electrochromic Rear View Mirror
Cửa kính điều khiển điện / Power Window	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chống kẹt cho cả 2 hàng ghế) / With (one-touch UP & DOWN on all seats)
Hệ thống âm thanh / Audio System	AM / FM, MP3, Ipod & USB, Bluetooth Dàn âm thanh 12 loa B&O / 12 Speakers B&O
Hệ thống SYNC® / SYNC® System	Điều khiển giọng nói SYNC® 4A / Voice Control SYNC® 4A Màn hình TFT cảm ứng 12", / 12" TFT Touch Screen
Bảng đồng hồ tốc độ / Instrument Cluster	Màn hình 12.4" / 12.4" Screen
Sạc không dây / Wireless Charging	Có / With
Điều khiển âm thanh trên tay lái / Audio Control on Steering Wheel	Có / With



Trắng



Xám



Đen



Nâu